

Bản án số: 36 /2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 -2025

“V/v Ly hôn giữa ông T và bà H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A- ĐỒNG THÁP**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A- Đồng Tháp.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A- Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh ngày 04/11/1984.*

Địa chỉ: số 71/3, khu phố B, thị trấn C, tỉnh Long An.

Nay là: số 71/3, khu phố B, xã C, tỉnh Tây Ninh.

*2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh ngày 16/10/1980.*

Địa chỉ: tổ 6, ấp Q, xã K, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

Nay là tổ 6, ấp Q, xã D, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T xin vắng mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông **Lê Văn T** trình bày: Ông và bà H tiến đến hôn nhân do quen biết và gia đình cha mẹ 02 bên đồng ý, được Ủy ban nhân dân xã K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126/2023 ngày 22/9/2023. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi*

nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ tháng 04/2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn bà H.

Con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà H. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã D, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Khu vực A- Đồng Tháp theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Lê Văn T có đơn xin vắng mặt với lý do đi làm xa; đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông T và bà H tiến đến hôn nhân năm 2023 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên, ông bà chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông T xác định không còn tình cảm với bà H nên kiên quyết ly hôn. Đối với bà H dù được triệu tập hoà giải, xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông T. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho ông T được ly hôn với bà H là phù hợp với qui định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho ông Lê Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm H.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001847 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D(Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) xem như thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực cùng cấp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã D;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH